TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN B THÀNH PHỐ C	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số 696/2018/HNGĐ-ST
Ngày 18-10-2018
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN B - THÀNH PHỐ C

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Kim Khánh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đỗ Thị A;

2. Bà Nguyễn Thị Thu Cúc.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Bảo Ngọc.

Trong ngày 18 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 602/2018/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2018 về tranh chấp không công nhận quan hệ vợ chồng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 259/2018/QĐXX-ST ngày 10 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phan Hoài L; sinh năm 1985; Địa chỉ thường trú: 793/28/48A Trần Xuân Soạn , Phường H, Quận K, Thành phố C.

2. Bị đơn: Ông Trần Quang V; sinh năm 1983; Địa chỉ thường trú: 246/35 Hòa Hưng, Phường 13, Quận B, Thành phố C.

Các đương sự có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21/8/2018 và bản tự khai ngày 02/10/2018, nguyên đơn bà Phan Hoài L trình bày:

Bà và ông Trần Quang V bắt đầu chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2014, không có đăng ký kết hôn, có với nhau một con chung tên Trần Vinh A, sinh ngày 18/6/2015, giới tính: nam. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, hai bên chỉ phát sinh mâu thuẫn từ đầu năm 2016 nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, đôi bên ít khi có sự quan tâm, chăm sóc cho nhau. Bà và ông V đã nhiều lần hòa giải, tìm mọi cách để hàn gắn tình cảm vợ chồng, cải thiện cuộc sống gia đình nhưng không có kết quả. Nhận thấy tình cảm

của đôi bên không còn, các bên đến nay cũng chưa đăng ký kết hôn nên bà yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà và ông Trần Quang V.

Về con chung: có 01 con chung tên Trần Vinh A, sinh ngày 18/6/2015, giới tính: nam. Bà L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc con chung. Về cấp dưỡng: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản khai ngày 02/10/2018, bị đơn ông Trần Quang V trình bày: Ông Vinh xác nhận quá trình chung sống, con chung và mâu thuẫn đúng như bà L đã khai. Nay tình cảm vợ chồng không còn, ông cũng đồng ý việc bà L yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông và bà L và đồng ý giao con chung cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc

Về tài sản chung và nợ chung: ông V và bà L khai không có.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà L và ông V cùng có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải, nên Tòa án quyết định đưa vụ án trên ra xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã tiến hành tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập, tuy nhiên ngày 09/10/2018 nguyên đơn và bị đơn cùng có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền: Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Hoài L yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà và ông V. Bị đơn ông Trần Quang V hiện đang cư trú tại địa chỉ 246/35 Hòa Hưng, Phường 13, Quận B, Thành phố C. Căn cứ khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là vụ án dân sự về tranh chấp "không công nhận quan hệ vợ chồng", thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận B, Thành phố C.

[4] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[4.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà L và ông V tự nguyện chung sống với nhau, không tổ chức đám cưới, không đăng ký kết hôn từ năm 2014, cho đến thời điểm hiện tại vẫn chưa thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn. Theo khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định *"...nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng...."* nay bà L yêu cầu Tòa án không công nhận bà và ông V là vợ chồng. Xét thấy bà L và ông V có đủ điều kiện đăng ký kết hôn nhưng không thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn, nên căn cứ khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn

nhân và Gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà L: không công nhận bà L và ông V là vợ chồng.

[4.2] Về con chung: có một con chung tên Trần Vinh A, sinh ngày 18/6/2015, giới tính: nam. Hai bên thỏa thuận giao con chung cho bà L là người trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc, việc cấp dưỡng: không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét, việc tự thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp theo quy định tại các Điều 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà L và ông V đều khai không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4.4] Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 14; Điều 15; khoản 2 Điều 53; Điều 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Phan Hoài L và ông Trần Quang V là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao trẻ tên Trần Vinh A, sinh ngày 18/6/2015, giới tính: nam cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng.

Ông V có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai có quyền cản trở, nhưng không được lạm dụng viêc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người đang trực tiếp nuôi con.

Vì quyền lợi về mọi mặt của con, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà L chịu 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai số

0016273 ngày 31/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận B, Thành phố C. Bà L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự có thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Tp.C;
- VKSND Q.B;
- Chi cục THADS Q.B;
- Đương sự;
- Lưu: Vp, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Thị Kim Khánh